

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG CHĂN NUÔI

Tin giá Heo hơi ngày 11/10/2021 - Cập nhật lúc 19h45:

Giá Heo hơi tại miền Bắc dự kiến điều chỉnh giảm từ 2-3.000 đồng/kg vào ngày mai (12/10) 19:45 11/10

- Tại thị trường miền Bắc, giá heo hơi dự kiến tiếp tục điều chỉnh giảm thêm từ 2-3.000 đồng/kg vào ngày mai (12/10), kéo giá bán giảm xuống còn quanh 32.000-42.000 đồng/kg.

Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Bắc trong tuần (VND/kg)

	Khu vực	09/10/2021	10/10/2021	11/10/2021	Dự kiến 12/10/2021
Heo công ty	Miền Bắc	34,000-45,000	34,000-45,000	34,000-45,000	32,000-42,000

Điểm tin thị trường Heo hơi ngày 11/10/2021 14:26 11/10

A. THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trung Quốc

- Giá heo hơi hầu khắp các vùng tại Trung Quốc hôm nay đồng loạt điều chỉnh tăng kéo mặt bằng giá bình quân cả nước nhích lên gần 11,3 tệ/kg, tương đương gần 40.000 đồng/kg do thời tiết nắng nóng đã kết thúc khiến sức tiêu thụ toàn thị trường đều cải thiện hơn. Tại miền Nam Trung Quốc, giá heo hôm nay cũng tăng lên quanh 11,7-12,5 tệ/kg, tương đương 41-44.000 đồng/kg. Tuy nhiên, nguồn cung heo từ các công ty lớn cũng như mới nổi từ Trung Quốc ra thị trường vẫn rất lớn có thể là lực cản với sự hồi phục của giá heo.

- Trong bối cảnh giá heo nội địa sụt giảm mạnh, nhiều nhà nhập khẩu thịt Trung Quốc có xu hướng huỷ các hợp đồng mua thịt heo của châu Âu, chấp nhận mất cọc, đền hợp đồng. Theo đó, một số lô hàng thịt châu Âu đang trên đường về Trung Quốc có thể sẽ được chuyển hướng bán đi các thị trường lân cận thuộc châu Á, trong đó có Việt Nam. Trước sự suy yếu nhu cầu nhập khẩu từ Trung Quốc và một số nước châu Á, chính quyền châu Âu đang lên các biện pháp trợ giúp kinh tế để giúp người chăn nuôi giảm đàn, ổn định cán cân cung cầu.

B. THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Giá heo hơi

- **Tại miền Bắc Việt Nam**, đà giảm giá heo vẫn tiếp tục vào cuối tuần trước và đầu tuần này khi sức mua chung toàn thị trường yếu trong khi nguồn cung heo từ các công ty ra thị trường tăng mạnh cùng áp lực tồn kho heo biểu to. Theo đó, mặt bằng giá heo toàn miền hôm nay chỉ còn giao dịch quanh 33-35.000 đồng/kg, mức trên 35.000 đồng/kg ít có giao dịch hoặc chỉ áp dụng cho lượng mua nhỏ lẻ.

- Với việc mất tới 8.000-10.000 đồng/kg chỉ trong 10 ngày đầu tháng 10, mặt bằng giá heo miền Bắc đã giảm xuống thấp hơn so với miền Trung và miền Nam, có thể tạo lực hút heo từ miền Bắc vào miền Trung và miền Nam tiêu thụ. Do đó, cho dù heo biểu to loại ra từ đi thành phố tại miền Nam giảm còn 30.000 đồng/kg và heo biểu to bán nguyên chuồng tại miền Trung còn 32.000 đồng/kg để bán ra Bắc thì lực mua vẫn rất chậm.

- **Tại miền Trung và miền Nam**, giá heo gọn ký không có xu hướng giảm thêm, vẫn giao dịch quanh 40-42.000 đồng/kg do lượng heo bán về TPHCM có xu hướng tăng khi các chợ truyền thống dần được mở lại. Tuy nhiên, heo biểu to còn tồn đọng từ khu vực này đang káhó bán ra Bắc do giá heo Bắc hạ nên giá heo này có thể tiếp tục giảm thêm để đẩy bán về miền Tây.

- Việc giá heo thịt giảm sâu đã và đang khiến heo con 7kg và 20kg gần như không bán được do giá đầu ra chẵn nuôi hiện nay chỉ đủ bù đắp giá cám, chi phí điện nước, chuồng trại. Theo đó, nhiều trại heo lớn có xu hướng bán cắt lỗ từ heo con, kéo mặt bằng giá heo con 7kg tại miền Bắc hôm nay giảm còn 500-800.000 đồng/con tùy bên.

- Theo dự kiến, từ giữa tháng 10 tới đây Hà Nội sẽ cho mở lại quán ăn bán tại chỗ, cùng các hoạt động vận chuyển liên tỉnh, được cho là sẽ giúp tiêu thụ thịt heo từ kênh nhà hàng/quán ăn tốt hơn. Tuy nhiên, với lượng heo đông lạnh còn tồn kho đang rất nhiều và tồn kho heo biểu to giảm chậm thì giá heo miền Bắc sẽ khó tăng mạnh như kỳ vọng.

Giao dịch tại chợ đầu mối, lò mổ

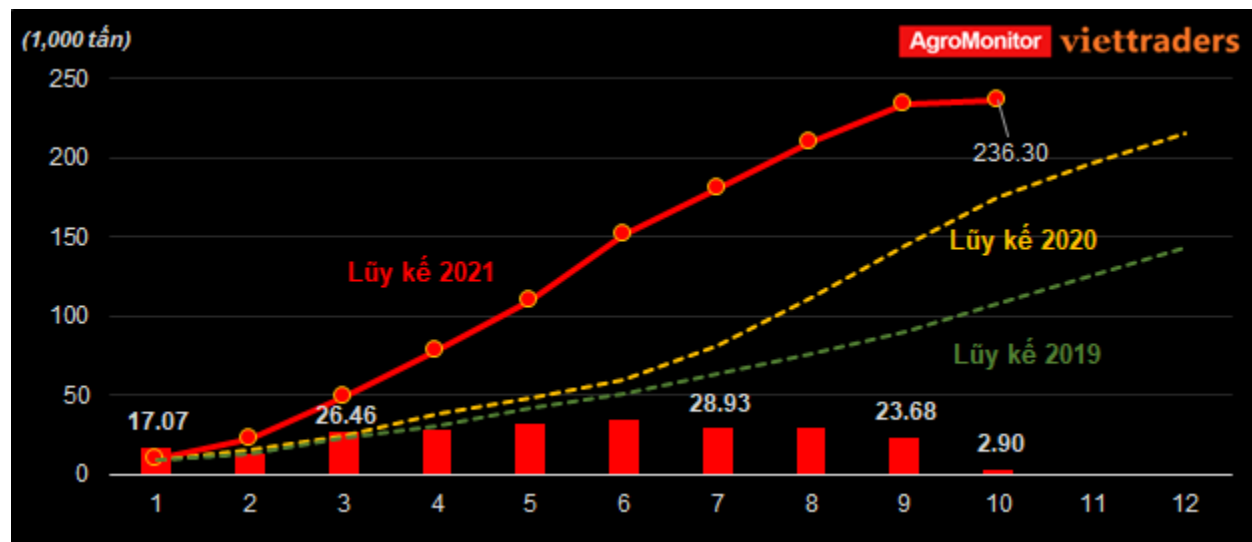
- **Tại lò Vạn Phúc**, lượng heo đưa vào mổ chưa có nhiều cải thiện, vẫn đạt quanh 1.100-1.200 con/ngày, với giá bán heo mảnh bình quân giảm còn 55.000-56.000 đồng/kg (gồm cả đầu lòng).

- **Tại chợ Ngọc Lũ**, lượng heo về chợ vẫn khá nhiều, đạt trên 3.000 con trong khi lượng tiêu thụ chỉ 1.500-1.700 con/ngày. Chợ bán yếu với giá hàng đầu 38.000 đồng/kg, phổ biến 33-34.000 đồng/kg.

Lượng thịt và phụ phẩm từ Heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 4/10/2021 (nghìn tấn)
13:13 09/10

Diễn biến lượng thịt và phụ phẩm từ heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 04/10/2021

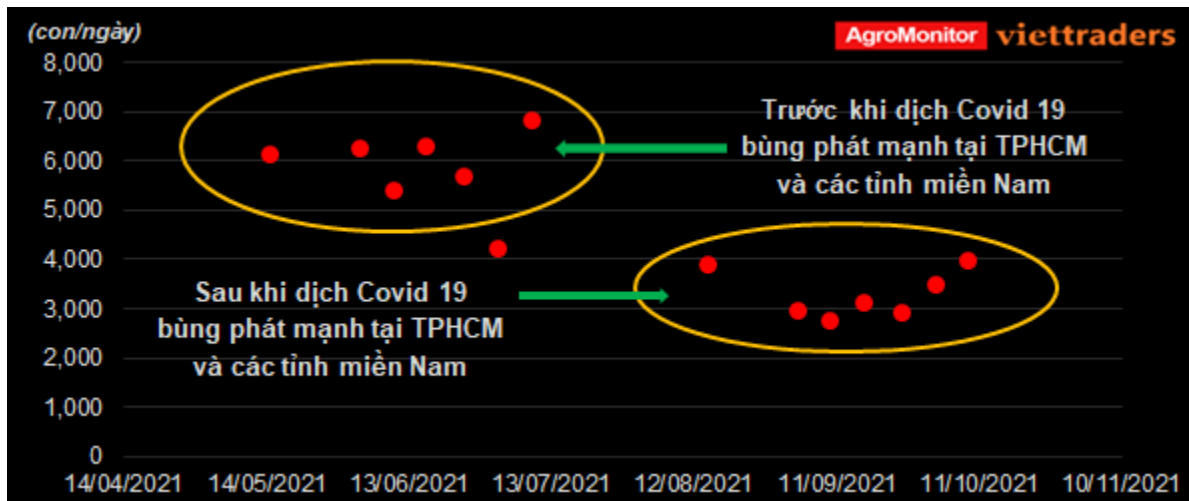
(xem chi tiết tại đây)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Lượng heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM tính tới ngày 9/10/2021 (con/ngày) 22:18 09/10

Lượng heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM tính tới ngày 9/10/2021 (con/ngày)



Nguồn: Agromonitor tổng hợp

Bảng giá Heo hơi và heo con ngày 11/10/2021 10:16 11/10

Bảng 1. Bảng giá heo hơi tại thị trường nội địa (VND/kg)

	Khu vực	11/10/2021	08/10/2021	Tuần trước
Heo công ty	Đồng Nai	37,500-47,500	37,500-47,500	37,500-49,500
	Miền Trung	32,000-45,000	34,000-45,000	34,000-50,000
	Miền Bắc	34,000-45,000	36,000-47,000	36,000-49,000
	Miền Tây	37,500-42,500	37,500-42,500	37,500-49,000
Heo dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Bình	34,000-38,000	37,000-39,000	37,000-42,000
	Bắc Giang	34,000-37,000	35,000-38,000	35,000-42,000
	Hà Nội	35,000-37,000	36,000-38,000	36,000-42,000
	<i>Miền Trung</i>			
	Nghệ An	33,000-35,000	35,000-37,000	35,000-42,000
	Bình Định	36,000-42,000	37,000-42,000	37,000-45,000
	Đắk Lắk	36,000-41,000	38,000-42,000	38,000-46,000
	<i>Miền Nam</i>			
	Đồng Nai	36,000-41,000	36,000-41,000	36,000-43,000
	Tiền Giang	38,000-40,000	38,000-40,000	38,000-45,000
Bến Tre	35,000-39,000	35,000-39,000	35,000-43,000	

Bảng 2. Bảng giá heo giống tại thị trường nội địa

Khu vực	Loại heo	11/10/2021	08/10/2021
Miền Nam	Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)	100.000	100.000
	Heo công ty – loại xách tai 6-7 kg	1.100.000-1.300.000	1.100.000-1.300.000
	Heo dân – loại xách tai 7-9 kg	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000
Miền Bắc	Heo CP – loại 20kg (VND/kg)	105.000-110.000	110.000-115.000
	Heo dân – loại xách tai 6-7 kg	500.000-900.000	1.000.000-1.200.000

	Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg	1.200.000-1.300.000	1.200.000-1.300.000
--	------------------------------------	---------------------	---------------------

(Ghi chú: Heo CP – loại 20kg đvt là VND/kg, các loại còn lại là VND/con)

Bảng giá thị trường Gia cầm ngày 11/10/2021 11:06 11/10

Gà trắng

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

	Khu vực	11/10/2021	08/10/2021	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	22.000-23.500	23.000-24.000	23.000-25.500
	Miền Nam	28.000-30.000	20.000-21.000	16.000-21.000
Gà trong dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Nguyên	22.000-23.500	22.000-23.500	23.000-25.000
	Vĩnh Phúc	22.000-23.500	22.500-24.000	23.000-25.500
	Hà Nội	22.000-23.500	22.500-24.000	23.000-25.500
	<i>Miền Nam</i>			
	Bình Dương	27.000-28.000	17.000-18.000	16.000-21.000
	Bình Phước	27.000-28.000	17.000-18.000	16.000-21.000

Gà màu

Bảng 2. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vực	11/10/2021	08/10/2021	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	40.000-42.000	39.000-40.000	39.000-40.000
Gà ta lai CP – miền Nam	35.000	35.000	33.000-34.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	49.000-51.000	49.000-51.000	49.000-51.000
Gà màu Dabaco – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	38.000-39.000	38.000-39.000	38.000-39.000
Gà Minh Dư – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	50.000-55.000	48.000-50.000	48.000-50.000
Gà Minh Dư – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	40.000-42.000	40.000-42.000	40.000-42.000

Vịt thịt

Bảng 3. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	11/10/2021	08/10/2021	Tuần trước
-----------	------------	------------	------------

Miền Bắc – Vịt Super	40.000	40.000-42.000	40.000-44.000
Miền Đông – Vịt Grimaud	43.000-46.000	43.000-46.000	46.000-50.000
Miền Tây – Vịt Grimaud	47.000-49.000	45.000-47.000	48.000-50.000

Bảng giá Heo hơi tại Trung Quốc và Thái Lan ngày 11/10/2021 08:34 11/10

Xu hướng tăng bao trùm lên toàn thị trường heo hơi Trung Quốc.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại Trung Quốc, Thái Lan và một số nước châu Á khác

Khu vực	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
			1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Trung Quốc							
Quảng Đông	CNY/kg	12,54	▲0,28	▲0,64	▼2,13	▼20,49	44.300
Quảng Tây		11,67	▲0,11	▼0,34	▼2,67	▼21,28	41.200
Vân Nam		10,60	▲0,07	▲1,04	▼1,87	▼21,60	37.400
Phúc Kiến		11,91	▲0,70	▼0,29	▼2,25	▼20,99	42.100
Tứ Xuyên		12,06	▲0,48	▲0,41	▼1,67	▼20,96	42.600
Liêu Ninh		10,79	▲0,42	▲0,56	▼1,86	▼18,50	38.100
Hà Bắc		10,98	▲0,10	▲0,51	▼2,33	▼19,08	38.800
Sơn Đông		10,93	▲0,01	▲0,40	▼2,30	▼19,55	38.600
Bình quân			11,26	▲0,24	▲0,35	▼2,24	▼20,00
Thái Lan							
Miền Bắc	Baht/kg	67,50	—0,00	—0,00	—0,00	-	46.300
Vùng Đông Bắc		71,00	—0,00	—0,00	—0,00	-	48.700
Miền Trung		59,00	—0,00	—0,00	▼3,00	▼21,00	40.500
Miền Đông		76,00	—0,00	—0,00	—0,00	▼4,00	52.100
Miền Tây		68,00	—0,00	▲4,00	—0,00	-	46.600
Miền Nam		74,00	—0,00	▲3,00	▲5,00	-	50.700
Bình quân			69,25	—0,00	▲1,17	▲0,33	▼10,75
Campuchia							
Bình quân	KHR/kg	14.300	—0,00	—0,00	▲300	▲1.800	79.400
Indonesia							
Bình quân	IDR/kg	57.754	▲967	▼302	▲1.244	▲16.024	92.400

Thị trường Gia súc thế giới ngày 10/10/2021

10:13 10/10/2021

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC THÊ GIỚI NGÀY 10/10/2021

Thị trường Heo	<p>▶ <u>Giá heo Trung Quốc</u></p> <ul style="list-style-type: none">- Giá bình quân đạt 11,02 tệ/kg (▼0,03 tệ/kg);- Tại tỉnh Quảng Tây, giá heo đạt 11,56 tệ/kg (▼0,03 tệ/kg).	<p>▶ <u>Sản xuất – Tiêu thụ</u></p> <ul style="list-style-type: none">- Trong tháng 9/2021, công ty Muiyuan đã xuất bán gần 3,1 triệu con heo, tăng 20% so với tháng 8.
	<p>▶ <u>Giá heo Thái Lan</u></p> <ul style="list-style-type: none">- Giá phổ biến tuần này nhích thêm lên quanh mức 68-77 Baht/kg (▲2-4 baht/kg);- Giá heo con vẫn ở mức thấp nhất trong vòng 1 năm;- Thái Lan đang đợt lễ hội ăn chay kéo dài từ 6-14/10.	
	<p>▶ <u>Giá heo Campuchia</u></p> <ul style="list-style-type: none">- Giá heo vẫn duy trì mức 14.300 riel/kg, tiếp tục tạo mức chênh lệch giá hấp dẫn với giá heo miền Nam Việt Nam.	

A. THỊ TRƯỜNG HEO

▶ Tại Trung Quốc

- Giá heo hơi Trung Quốc hôm nay đi ngang quanh 11 tệ/kg, tương đương gần 39.000 đồng/kg khi thị trường tạm chững lại để chờ kết quả chính thức của cuộc đấu thầu thu mua 30.000 tấn thịt heo cho kho dự trữ quốc gia. Dự kiến kết quả cuộc đấu thầu sẽ được công bố vào ngày mai (11/10). Tại miền Nam Trung Quốc, giá heo hơi hôm nay vẫn lành lành quanh 11,6-12,3 tệ/kg, tương đương 41-43.000 đồng/kg.

- Vào cuối tuần này, một vài doanh nghiệp chăn nuôi heo tại Trung Quốc công bố doanh số bán heo sống trong tháng 9/2021 có chiều hướng tăng mạnh so với tháng trước, trong đó riêng Công ty TNHH Muiyuan xuất bán gần 3,1 triệu con, tăng 20% so với tháng 8.

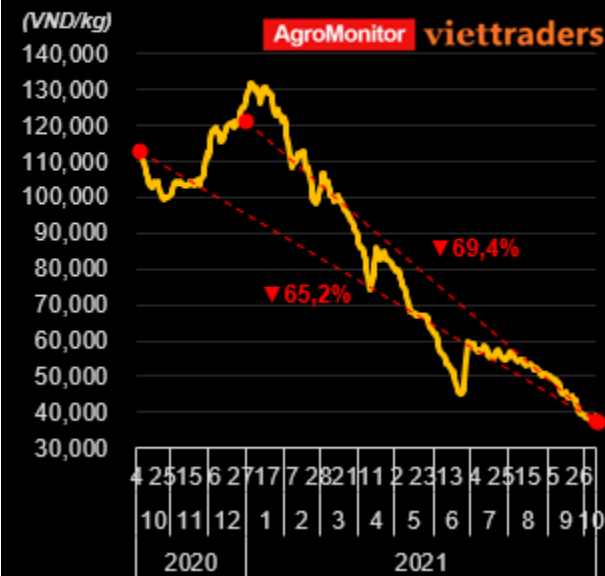
DIỄN BIẾN GIÁ

Giá heo hơi Trung Quốc tạm thời đi ngang để chờ thêm những diễn biến tiếp theo phụ thuộc vào kết quả của cuộc đấu thầu thu mua thịt heo diễn ra vào hôm nay.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại Trung Quốc, Thái Lan và một số nước châu Á khác

Khu vực	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
			1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Trung Quốc							
Quảng Đông	CNY/kg	12,26	▼0,04	▲0,17	▼2,63	▼22,30	43.300
Quảng Tây		11,56	▼0,03	▼0,40	▼2,96	▼23,08	40.800
Vân Nam		10,53	▼0,63	▲0,74	▼2,28	▼23,38	37.200
Phúc Kiến		11,21	▼0,59	▼0,71	▼3,21	▼23,28	39.600
Tứ Xuyên		11,58	▲0,16	▼0,09	▼2,17	▼22,82	40.900
Liêu Ninh		10,37	▲0,07	▲0,12	▼2,52	▼20,27	36.600
Hà Bắc		10,88	▼0,07	▲0,39	▼2,63	▼20,28	38.400
Sơn Đông		10,92	▲0,02	▲0,34	▼2,49	▼20,55	38.600
Bình quân			11,02	▼0,03	▲0,03	▼2,75	▼21,57
Thái Lan							
Miền Bắc	Baht/kg	67,50	—0,00	—0,00	—0,00	-	46.300
Vùng Đông Bắc		71,00	—0,00	—0,00	—0,00	-	48.700
Miền Trung		59,00	—0,00	—0,00	▼3,00	▼21,00	40.500
Miền Đông		76,00	—0,00	—0,00	—0,00	▼4,00	52.100
Miền Tây		68,00	—0,00	▲4,00	—0,00	-	46.600
Miền Nam		74,00	—0,00	▲3,00	▲5,00	-	50.700
Bình quân			69,25	—0,00	▲1,17	▲0,33	▼10,75
Campuchia							
Bình quân	KHR/kg	14.300	—0,00	—0,00	▲1.000	▲1.800	79.400
Indonesia							
Bình quân	IDR/kg	56.787	▼1.065	▼2.250	▼1.395	▲15.664	90.900

Hình 1. Diễn biến giá heo hơi tại Trung Quốc, 10/10/2020 – 10/10/2021 (VND/kg)



Hình 2. Diễn biến giá heo hơi tại Thái Lan, 09/10/2020 – 09/10/2021 (VND/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Trung Quốc bước vào kỳ nghỉ lễ Quốc khánh dài ngày từ 01-07/10, sản Đại Liên ghi nhận giao dịch trở lại vào cuối tuần này với xu hướng tăng lên tại hầu khắp các kỳ hạn so với phiên giao dịch trước khi nghỉ lễ.

Bảng 2. Bảng giá heo hơi các kỳ hạn giao dịch tại sản Đại Liên trong tuần

Kỳ hạn	04/10	05/10	06/10	07/10	08/10	Bình quân tuần		
						Tệ/kg	So với tuần trước	VND/kg
Tháng 11/2021	-	-	-	-	11,58	11,58	▼ 0,26	40.900
Tháng 1/2022	-	-	-	-	14,16	14,16	▲ 0,15	50.000
Tháng 3/2022	-	-	-	-	14,17	14,17	▲ 0,32	50.000
Tháng 5/2022	-	-	-	-	15,15	15,15	▲ 0,12	53.500
Tháng 7/2022	-	-	-	-	16,12	16,12	▼ 0,02	56.900
Tháng 9/2022	-	-	-	-	16,84	16,84	▲ 0,23	59.500

Giá heo con Trung Quốc tiếp tục điều chỉnh giảm khi đông lực vào đàn mới bị triệt tiêu bởi giá heo hơi neo ở vùng thấp trong khi tại Thái Lan, giá heo con tạm thời không điều chỉnh giảm thêm.

Bảng 3. Bảng giá giao dịch heo con tại Trung Quốc và Thái Lan

Khu vực	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi
			1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	

							VND/kg
Trung Quốc							
Vùng Đông Bắc	CNY/kg	13,36	—0,00	▼4,21	▼7,65	▼89,34	47.000
Miền Bắc		14,83	—0,00	▼4,51	▼8,52	▼91,58	52.200
Miền Đông		17,25	—0,00	▼4,19	▼9,21	▼91,81	60.700
Miền Trung		17,25	—0,00	▼4,07	▼8,47	▼94,71	60.700
Miền Nam		17,66	—0,00	▼5,68	▼10,55	▼95,37	62.200
Vùng Tây Nam		17,85	—0,00	▼3,50	▼7,61	▼92,31	62.900
Vùng Tây Bắc		15,71	—0,00	▼4,38	▼8,30	▼90,48	55.300
Bình quân			16,50	—0,00	▼4,30	▼8,32	▼91,91
Thái Lan							
CP – 6kg	Baht/con	1.300	—0,00	—0,00	—0,00	▼1.200	896.000
CP – 16kg		1.600 (+/- 64)	—0,00	—0,00	—0,00	▼1.200	1.033.000
CP – 25kg		1.700 (+/- 64)	—0,00	—0,00	—0,00	▼1.200	1.102.000
Trại dân – 12kg		1.500	—0,00	—0,00	—0,00	▼1.200	1.171.000

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Dịch bệnh – Thiên tai

Bảng 4. Thống kê dịch tả heo châu Phi (ASF) trên thế giới trong năm 2021

Ngày	Thông tin về ổ dịch mới nhất
24/09/2021	- Romania tiếp tục ghi nhận thêm nhiều ổ dịch mới, trong đó 4 con heo rừng đã bị tiêu hủy cùng trên dưới 88.000 con heo nuôi bị nhiễm bệnh hoặc có liên quan đến các ổ dịch, 148 con trong số đó đã bị chết và 633 con bị tiêu hủy. - Hungary tiếp tục ghi nhận 6 con heo rừng bị chết vì dịch tả châu Phi.
27/09/2021	- Cơ quan giám sát an toàn nông nghiệp Liên bang Nga cho biết nước này ghi nhận một ổ dịch mới đối với đàn heo nuôi tại Belgorod, miền Trung đất nước thuộc sở hữu của Miratong, doanh nghiệp sản xuất thịt heo lớn nhất nước này.
23/09/2021 & 28-29/09/2021	- Ba Lan tiếp tục công bố tổng cộng 79 con heo rừng nhiễm bệnh và chết vì dịch tả châu Phi.

Sản xuất – Tiêu thụ

▶ **Tại Trung Quốc**

Lương heo sống xuất bán của các doanh nghiệp chăn nuôi heo tại Trung Quốc có xu hướng tăng lên trong tháng 9.

Bảng 5. Lương heo sống xuất bán của 15 doanh nghiệp chăn nuôi nổi bật tại Trung Quốc trong năm 2021 (nghìn con)

STT	Doanh nghiệp	Tháng 8	Tháng 9	So với tháng trước	So với mục tiêu xuất bán năm 2021		
					9T 2021	Mục tiêu	Tiến độ
1	Muyuan	2.573,0	3.086,0	▲ 20%	26.107,0	36.000,0	73%
2	Zhenbang Tech	1.711,6	-	-	-	20.000,0	-
3	New Hope	779,7	-	-	-	16.000,0	-
4	Wen's	1.310,6	1.698,8	▲ 30%	8.975,2	12.000,0	75%
5	Cofco	287,0	-	-	-	-	-
6	Dabeinong	401,0	-	-	-	5.000,0	-
7	Aonong Bio	213,4	325,9	▲ 53%	2.051,4	4.000,0	51%
8	Tianbang	353,3	321,2	▼ 9%	2.807,7	7.000,0	40%
9	Tiankang Bio	199,5	-	-	-	2.000,0	-
10	Tang Ren Shen	87,1	-	-	-	2.000,0	-
11	Jin Xinnong	43,9	-	-	-	1.200,0	-
12	Longda Meat	38,1	-	-	-	-	-
13	Luo Niu Shan	28,9	-	-	-	-	-
14	Dawnrays	24,3	-	-	-	400,0	-
15	Zhenhong Tech	18,1	-	-	-	-	-
Tổng		8.069,5	-	-	-	-	-

Thương mại

► *Tại Thái Lan*

Trong tuần kết thúc 02/10, lương heo sống Thái Lan xuất khẩu vẫn đạt thấp tương đương so với tuần trước đó, trong đó lương đưa sang Campuchia chỉ đạt khoảng 500 con/ngày và khoảng 300 con/ngày sang Trung Quốc.

Bảng 6. Tiến độ xuất khẩu heo sống của Thái Lan (con/ngày)

Thị trường	Tuần kết thúc 25/09	Tuần kết thúc 02/10	Thay đổi	Ghi chú
Campuchia	500	500	-	Toàn bộ là heo thịt
Lào	-	-	-	

Trung Quốc	300	300	-	Toàn bộ là heo nuôi
Myanmar	-	-	-	
Việt Nam	-	-	-	

B. THÔNG TIN KINH TẾ KHÁC

Bảng 7. Tỷ giá một số đồng tiền chính ngày 10/10/2021

Mã ngoại tệ/ Quốc gia	So với USD			So với VND		
	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)
AUD (Úc)	AUD/USD	0,731	—0,00	AUD/VND*	16.901	—0,00
BRL (Brazil)	BRL/USD	0,182	—0,00	-	-	-
CAD (Canada)	CAD/USD	0,802	—0,00	CAD/VND*	18.418	—0,00
CNY (Trung Quốc)	CNY/USD	0,155	—0,00	CNY/VND	3.532	—0,00
EUR (Châu Âu)	EUR/USD	1,157	—0,00	EUR/VND*	26.971	—0,00
GBP (Anh)	GBP/USD	1,361	—0,00	GBP/VND*	31.459	—0,00
IDR (Indonesia)	-	-	-	IDR/VND	1,60	—0,00
KHR (Campuchia)	-	-	-	KHR/VND	5,55	—0,00
THB (Thái Lan)	THB/USD	0,030	—0,00	THB/VND*	686	—0,00
USD (Mỹ)	-	-	-	USD/VND*	22,860	—0,00

Ghi chú: * giá bán ra của Vietcombank
Thị trường Gia súc thể giới ngày 11/10/2021

08:48 11/10/2021

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC THỂ GIỚI NGÀY 11/10/2021		
Thị trường Heo	<p>▶ <u>Giá heo Trung Quốc</u></p> <p>- Giá bình quân đạt 11,26 tệ/kg (▲ 0,24 tệ/kg);</p> <p>- Tại tỉnh Quảng Tây, giá heo đạt 11,67 tệ/kg (▲ 0,11 tệ/kg).</p>	<p>▶ <u>Sản xuất – Tiêu thụ</u></p> <p>- Lượng heo sống xuất bán của hầu hết các doanh nghiệp chăn nuôi heo tại Trung Quốc có xu hướng tăng lên trong tháng 9.</p>
	▶ <u>Giá heo Thái Lan</u>	

<ul style="list-style-type: none"> - Giá phổ biến tuần này nhích thêm lên quanh mức 68-77 Baht/kg (▲2-4 baht/kg); - Giá heo con vẫn ở mức thấp nhất trong vòng 1 năm; - Thái Lan đang trong đợt lễ hội ăn chay kéo dài từ 6-14/10.
<p>▶ <u>Giá heo Campuchia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá heo vẫn duy trì mức 14.300 riel/kg, tiếp tục tạo mức chênh lệch giá hấp dẫn với giá heo miền Nam Việt Nam.

A. THỊ TRƯỜNG HEO

▶ Tại Trung Quốc

- Giá heo hơi hầu khắp các vùng tại Trung Quốc hôm nay đồng loạt điều chỉnh tăng kéo mặt bằng giá bình quân cả nước nhích lên gần 11,3 tệ/kg, tương đương gần 40.000 đồng/kg do thời tiết nắng nóng đã kết thúc khiến sức tiêu thụ toàn thị trường đều cải thiện hơn. Tại miền Nam Trung Quốc, giá heo hôm nay cũng tăng lên quanh 11,7-12,5 tệ/kg, tương đương 41-44.000 đồng/kg. Tuy nhiên, nguồn cung heo từ các công ty lớn cũng như mới nổi từ Trung Quốc ra thị trường vẫn rất lớn có thể là lực cản với sự hồi phục của giá heo.

- Trong bối cảnh giá heo nội địa sụt giảm mạnh, nhiều nhà nhập khẩu thịt Trung Quốc có xu hướng huỷ các hợp đồng mua thịt heo của châu Âu, chấp nhận mất cọc, đền hợp đồng. Theo đó, một số lô hàng thịt châu Âu đang trên đường về Trung Quốc có thể sẽ được chuyển hướng bán đi các thị trường lân cận thuộc châu Á, trong đó có Việt Nam. Trước sự suy yếu nhu cầu nhập khẩu từ Trung Quốc và một số nước châu Á, chính quyền châu Âu đang lên các biện pháp trợ giúp kinh tế để giúp người chăn nuôi giảm đàn, ổn định cán cân cung cầu.

DIỄN BIẾN GIÁ

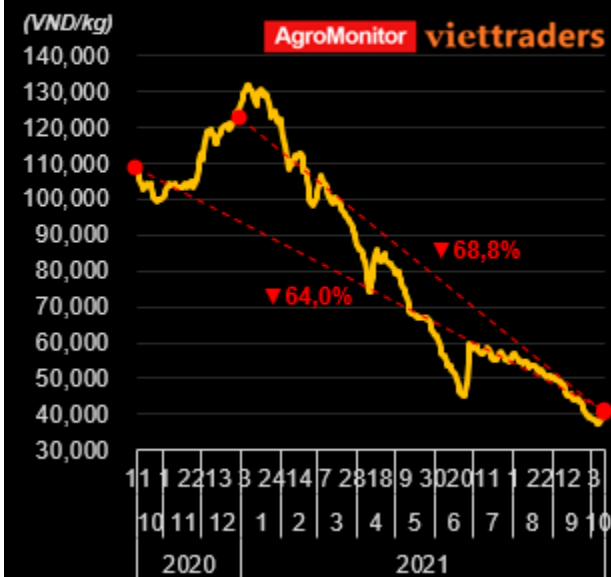
Xu hướng tăng bao trùm lên toàn thị trường heo hơi Trung Quốc.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại Trung Quốc, Thái Lan và một số nước châu Á khác

Khu vực	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
			1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Trung Quốc							
Quảng Đông	CNY/kg	12,54	▲0,28	▲0,64	▼2,13	▼20,49	44.300
Quảng Tây		11,67	▲0,11	▼0,34	▼2,67	▼21,28	41.200
Vân Nam		10,60	▲0,07	▲1,04	▼1,87	▼21,60	37.400

Phúc Kiến		11,91	▲0,70	▼0,29	▼2,25	▼20,99	42.100
Tứ Xuyên		12,06	▲0,48	▲0,41	▼1,67	▼20,96	42.600
Liêu Ninh		10,79	▲0,42	▲0,56	▼1,86	▼18,50	38.100
Hà Bắc		10,98	▲0,10	▲0,51	▼2,33	▼19,08	38.800
Sơn Đông		10,93	▲0,01	▲0,40	▼2,30	▼19,55	38.600
Bình quân		11,26	▲0,24	▲0,35	▼2,24	▼20,00	39.800
Thái Lan							
Miền Bắc		67,50	—0,00	—0,00	—0,00	-	46.300
Vùng Đông Bắc		71,00	—0,00	—0,00	—0,00	-	48.700
Miền Trung		59,00	—0,00	—0,00	▼3,00	▼21,00	40.500
Miền Đông	Baht/kg	76,00	—0,00	—0,00	—0,00	▼4,00	52.100
Miền Tây		68,00	—0,00	▲4,00	—0,00	-	46.600
Miền Nam		74,00	—0,00	▲3,00	▲5,00	-	50.700
Bình quân		69,25	—0,00	▲1,17	▲0,33	▼10,75	47.500
Campuchia							
Bình quân	KHR/kg	14.300	—0,00	—0,00	▲300	▲1.800	79.400
Indonesia							
Bình quân	IDR/kg	57.754	▲967	▼302	▲1.244	▲16.024	92.400

Hình 1. Diễn biến giá heo hơi tại Trung Quốc, 11/10/2020 – 11/10/2021 (VND/kg)



Hình 2. Diễn biến giá heo hơi tại Thái Lan, 10/10/2020 – 10/10/2021 (VND/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Trung Quốc bước vào kỳ nghỉ lễ Quốc khánh dài ngày từ 01-07/10, sàn Đại Liên ghi nhận giao dịch trở lại vào cuối tuần này với xu hướng tăng lên tại hầu khắp các kỳ hạn so với phiên giao dịch trước khi nghỉ lễ.

Bảng 2. Bảng giá heo hơi các kỳ hạn giao dịch tại sàn Đại Liên trong tuần

Kỳ hạn	04/10	05/10	06/10	07/10	08/10	Bình quân tuần		
						Tệ/kg	So với tuần trước	VND/kg
Tháng 11/2021	-	-	-	-	11,58	11,58	▼ 0,26	40.900
Tháng 1/2022	-	-	-	-	14,16	14,16	▲ 0,15	50.000
Tháng 3/2022	-	-	-	-	14,17	14,17	▲ 0,32	50.000
Tháng 5/2022	-	-	-	-	15,15	15,15	▲ 0,12	53.500
Tháng 7/2022	-	-	-	-	16,12	16,12	▼ 0,02	56.900
Tháng 9/2022	-	-	-	-	16,84	16,84	▲ 0,23	59.500

Giá heo con Trung Quốc tiếp tục điều chỉnh giảm khi động lực vào đàn mới bị triệt tiêu bởi giá heo hơi neo ở vùng thấp trong khi tại Thái Lan, giá heo con tạm thời không điều chỉnh giảm thêm.

Bảng 3. Bảng giá giao dịch heo con tại Trung Quốc và Thái Lan

Khu vực	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
			1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Trung Quốc							
Vùng Đông Bắc	CNY/kg	13,36	—0,00	▼4,21	▼7,65	▼89,34	47.000
Miền Bắc		14,83	—0,00	▼4,51	▼8,52	▼91,58	52.200
Miền Đông		17,25	—0,00	▼4,19	▼9,21	▼91,81	60.700
Miền Trung		17,25	—0,00	▼4,07	▼8,47	▼94,71	60.700
Miền Nam		17,66	—0,00	▼5,68	▼10,55	▼95,37	62.200
Vùng Tây Nam		17,85	—0,00	▼3,50	▼7,61	▼92,31	62.900
Vùng Tây Bắc		15,71	—0,00	▼4,38	▼8,30	▼90,48	55.300
Bình quân		16,50	—0,00	▼4,30	▼8,32	▼91,91	58.100
Thái Lan							
CP – 6kg	Baht/con	1.300	—0,00	—0,00	—0,00	▼1.200	896.000
CP – 16kg		1.600 (+/- 64)	—0,00	—0,00	—0,00	▼1.200	1.033.000
CP – 25kg		1.700 (+/- 64)	—0,00	—0,00	—0,00	▼1.200	1.102.000
Trại dân – 12kg		1.500	—0,00	—0,00	—0,00	▼1.200	1.171.000

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Dịch bệnh – Thiên tai

Bảng 4. Thống kê dịch tả heo châu Phi (ASF) trên thế giới trong năm 2021

Ngày	Thông tin về ổ dịch mới nhất
24/09/2021	- Romania tiếp tục ghi nhận thêm nhiều ổ dịch mới, trong đó 4 con heo rừng đã bị tiêu hủy cùng trên dưới 88.000 con heo nuôi bị nhiễm bệnh hoặc có liên quan đến các ổ dịch, 148 con trong số đó đã bị chết và 633 con bị tiêu hủy. - Hungary tiếp tục ghi nhận 6 con heo rừng bị chết vì dịch tả châu Phi.
27/09/2021	- Cơ quan giám sát an toàn nông nghiệp Liên bang Nga cho biết nước này ghi nhận một ổ dịch mới đối với đàn heo nuôi tại Belgorod, miền Trung đất nước thuộc sở hữu của Miratong, doanh nghiệp sản xuất thịt heo lớn nhất nước này.
23/09/2021 & 28-29/09/2021	- Ba Lan tiếp tục công bố tổng cộng 79 con heo rừng nhiễm bệnh và chết vì dịch tả châu Phi.

Sản xuất – Tiêu thụ

▶ *Tại Trung Quốc*

Lượng heo sống xuất bán của hầu hết các doanh nghiệp chăn nuôi heo tại Trung Quốc có xu hướng tăng lên trong tháng 9.

Bảng 5. Lượng heo sống xuất bán của 15 doanh nghiệp chăn nuôi nổi bật tại Trung Quốc trong năm 2021 (nghìn con)

STT	Doanh nghiệp	Tháng 8	Tháng 9	So với tháng trước	So với mục tiêu xuất bán năm 2021		
					9T 2021	Mục tiêu	Tiến độ
1	Muyuan	2.573,0	3.086,0	▲ 20%	26.107,0	36.000,0	73%
2	Zhenbang Tech	1.711,6	1.376,0	▼ 20%	11.835,3	20.000,0	59%
3	New Hope	779,7	935,7	▲ 20%	6.811,3	16.000,0	43%
4	Wen's	1.310,6	1.698,8	▲ 30%	8.975,2	12.000,0	75%
5	Cofco	287,0	-	-	-	-	-
6	Dabeinong	401,0	-	-	-	5.000,0	-
7	Aonong Bio	213,4	325,9	▲ 53%	2.051,4	4.000,0	51%
8	Tianbang	353,3	321,2	▼ 9%	2.807,7	7.000,0	40%
9	Tiankang Bio	199,5	-	-	-	2.000,0	-
10	Tang Ren Shen	87,1	108,0	▲ 24%	1.151,6	2.000,0	58%

11	Jin Xinnong	43,9	70,2	▲ 60%	623,5	1.200,0	52%
12	Longda Meat	38,1	-	-	-	-	-
13	Luo Niu Shan	28,9	-	-	-	-	-
14	Dawnrays	24,3	-	-	-	400,0	-
15	Zhenhong Tech	18,1	29,9	▲ 65%	144,1	-	-
Tổng		8.069,5	-	-	-	-	-

Thương mại

► *Tại Thái Lan*

Trong tuần kết thúc 02/10, lượng heo sống Thái Lan xuất khẩu vẫn đạt thấp tương đương so với tuần trước đó, trong đó lượng đưa sang Campuchia chỉ đạt khoảng 500 con/ngày và khoảng 300 con/ngày sang Trung Quốc.

Bảng 6. Tiến độ xuất khẩu heo sống của Thái Lan (con/ngày)

Thị trường	Tuần kết thúc 25/09	Tuần kết thúc 02/10	Thay đổi	Ghi chú
Campuchia	500	500	-	Toàn bộ là heo thịt
Lào	-	-	-	
Trung Quốc	300	300	-	Toàn bộ là heo nuôi
Myanmar	-	-	-	
Việt Nam	-	-	-	

B. THÔNG TIN KINH TẾ KHÁC

Bảng 7. Tỷ giá một số đồng tiền chính ngày 11/10/2021

Mã ngoại tệ/ Quốc gia	So với USD			So với VND		
	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)
AUD (Úc)	AUD/USD	0,731	—0,00	AUD/VND*	16.901	—0,00
BRL (Brazil)	BRL/USD	0,182	—0,00	-	-	-
CAD (Canada)	CAD/USD	0,802	—0,00	CAD/VND*	18.418	—0,00
CNY (Trung Quốc)	CNY/USD	0,155	—0,00	CNY/VND	3.532	—0,00
EUR (Châu Âu)	EUR/USD	1,157	—0,00	EUR/VND*	26.971	—0,00
GBP (Anh)	GBP/USD	1,361	—0,00	GBP/VND*	31.459	—0,00
IDR (Indonesia)	-	-	-	IDR/VND	1,60	—0,00
KHR (Campuchia)	-	-	-	KHR/VND	5,55	—0,00

THB (Thái Lan)	THB/USD	0,030	-0,00	THB/VND*	686	-0,00
USD (Mỹ)	-	-	-	USD/VND*	22,860	-0,00

Ghi chú: * giá bán ra của Vietcombank

Thị trường Gia súc nội địa ngày 11/10/2021

15:10 11/10/2021

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC NGÀY 11/10/2021

THỊ TRƯỜNG HEO			
Giá heo hơi nội địa	<u>Miền Bắc</u>	<p>Heo thịt: Giá heo vẫn tiếp tục giảm vào cuối tuần trước và đầu tuần này, còn quanh 33.000-35.000 đồng/kg, mức >35.000 đồng/kg ít có giao dịch hoặc chỉ áp dụng cho lượng mua nhỏ lẻ.</p> <p>Heo con: Giá heo thịt giảm sâu đã và đang khiến heo con 7kg và 20kg gần như không bán được, nhiều trại lớn có xu hướng bán cắt lỗ từ heo con kéo mặt bằng giá heo con 7kg giảm còn 500-800.000 đồng/con.</p>	<p>Lưu chuyển heo Bắc-Trung-Nam:</p> <p>- Dù heo biểu to loại ra từ đi thành phố tại miền Nam giảm còn 30.000 đồng/kg và heo biểu to bán nguyên chuồng tại miền Trung còn 32.000 đồng/kg để bán ra Bắc thì lực mua vẫn rất chậm do giá heo miền Bắc giảm sâu.</p> <p>- Heo biểu to từ miền Đông có thể tiếp tục giảm thêm để đẩy bán đi miền Tây tiêu thụ.</p>
	<u>Miền Trung & miền Nam</u>	<p>Giá heo gọn ký không có xu hướng giảm thêm, vẫn giao dịch quanh 40-42.000 đồng/kg do lượng heo bán về TPHCM có xu hướng tăng khi các chợ truyền thống dần được mở lại.</p>	
	<p>Triển vọng: Theo dự kiến, từ giữa tháng 10 tới đây Hà Nội sẽ cho mở lại quán ăn bán tại chỗ, cùng các hoạt động vận chuyển liên tỉnh, được cho là sẽ giúp tiêu thụ thịt heo từ kênh nhà hàng/quán ăn tốt hơn. Tuy nhiên, với lượng heo đông lạnh còn tồn kho đang rất nhiều và tồn kho heo biểu to giảm chậm thì giá heo miền Bắc sẽ khó tăng mạnh như kỳ vọng.</p>		
Giao dịch tại chợ đầu mỗ/lò mỗ	<u>Chợ Ngọc Lũ (Hà Nam)</u>	<p>Lượng heo về chợ: >3.000 con, trong khi lượng tiêu thụ chỉ 1.500-1.700 con/ngày Chợ bán yếu: Giá hàng đầu 38.000 đồng/kg (▼1.000 đồng/kg)</p> <p>Giá phổ biến 33.000-34.000 đồng/kg (▼1.000 đồng/kg)</p>	
	<u>Lò mỗ khu vực Hà Nội</u>	<p>Tại lò Vạn Phúc:</p> <p>Lượng heo giết mỗ: 1.100-1.200 con/ngày</p> <p>Giá heo mỗ hàm: 45.000-58.000 đồng/kg</p>	

A. THỊ TRƯỜNG HEO

Giá cả và giao dịch heo hơi nội địa

- **Tại miền Bắc Việt Nam**, đã giảm giá heo vẫn tiếp tục vào cuối tuần trước và đầu tuần này khi sức mua chung toàn thị trường yếu trong khi nguồn cung heo từ các công ty ra thị trường tăng mạnh cùng áp lực tồn kho heo biểu to. Theo đó, mặt bằng giá heo toàn miền hôm nay chỉ còn giao dịch quanh 33-35.000 đồng/kg, mức trên 35.000 đồng/kg ít có giao dịch hoặc chỉ áp dụng cho lượng mua nhỏ lẻ.

- Với việc mất tới 8.000-10.000 đồng/kg chỉ trong 10 ngày đầu tháng 10, mặt bằng giá heo miền Bắc đã giảm xuống thấp hơn so với miền Trung và miền Nam, có thể tạo lực hút heo từ miền Bắc vào miền Trung và miền Nam tiêu thụ. Do đó, cho dù heo biểu to loại ra từ đi thành phố tại miền Nam giảm còn 30.000 đồng/kg và heo biểu to bán nguyên chuồng tại miền Trung còn 32.000 đồng/kg để bán ra Bắc thì lực mua vẫn rất chậm.

- **Tại miền Trung và miền Nam**, giá heo gọn ký không có xu hướng giảm thêm, vẫn giao dịch quanh 40-42.000 đồng/kg do lượng heo bán về TPHCM có xu hướng tăng khi các chợ truyền thống dần được mở lại. Tuy nhiên, heo biểu to còn tồn đọng từ khu vực này đang khó bán ra Bắc do giá heo Bắc hạ nên giá heo này có thể tiếp tục giảm thêm để đẩy bán về miền Tây.

- Theo dự kiến, từ giữa tháng 10 tới đây Hà Nội sẽ cho mở lại quán ăn bán tại chỗ, cùng các hoạt động vận chuyển liên tỉnh, được cho là sẽ giúp tiêu thụ thịt heo từ kênh nhà hàng/quán ăn tốt hơn. Tuy nhiên, với lượng heo đông lạnh còn tồn kho đang rất nhiều và tồn kho heo biểu to giảm chậm thì giá heo miền Bắc sẽ khó tăng mạnh như kỳ vọng.

Bảng 1. Bảng giá heo hơi tại thị trường nội địa (VND/kg)

	Khu vực	11/10/2021	08/10/2021	Tuần trước
Heo công ty	Đồng Nai	37,500-47,500	37,500-47,500	37,500-49,500
	Miền Trung	32,000-45,000	34,000-45,000	34,000-50,000
	Miền Bắc	34,000-45,000	36,000-47,000	36,000-49,000
	Miền Tây	37.500-42,500	37.500-42,500	37.500-49,000
Heo dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Bình	34,000-38,000	37,000-39,000	37,000-42,000
	Bắc Giang	34,000-37,000	35,000-38,000	35,000-42,000
	Hà Nội	35,000-37,000	36,000-38,000	36,000-42,000
	<i>Miền Trung</i>			
	Nghệ An	33,000-35,000	35,000-37,000	35,000-42,000
	Bình Định	36,000-42,000	37,000-42,000	37,000-45,000
	Đắk Lắk	36,000-41,000	38,000-42,000	38,000-46,000
	<i>Miền Nam</i>			
	Đồng Nai	36,000-41,000	36,000-41,000	36,000-43,000
	Tiền Giang	38,000-40,000	38,000-40,000	38,000-45,000
	Bến Tre	35,000-39,000	35,000-39,000	35,000-43,000

Giá cả và giao dịch heo giống nội địa

- Việc giá heo thịt giảm sâu đã và đang khiến heo con 7kg và 20kg gần như không bán được do giá đầu ra chăn nuôi hiện nay chỉ đủ bù đắp giá cám, chi phí điện nước, chuồng trại. Theo đó, nhiều trại heo lớn có xu hướng bán cắt lỗ từ heo con, kéo mặt bằng giá heo con 7kg tại miền Bắc hôm nay giảm còn 500-800.000 đồng/kg tùy bên.

Bảng 2. Bảng giá heo giống tại thị trường nội địa

Khu vực	Loại heo	11/10/2021	08/10/2021
Miền Nam	Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)	100.000	100.000
	Heo công ty – loại xách tai 6-7 kg	1.100.000-1.300.000	1.100.000-1.300.000
	Heo dân – loại xách tai 7-9 kg	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000
Miền Bắc	Heo CP – loại 20kg (VND/kg)	105.000-110.000	110.000-115.000
	Heo dân – loại xách tai 6-7 kg	500.000-900.000	1.000.000-1.200.000
	Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg	1.200.000-1.300.000	1.200.000-1.300.000

(Ghi chú: Heo CP – loại 20kg đvt là VND/kg, các loại còn lại là VND/con)

Bảng 3. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo tại các vùng

Khu vực	Xu hướng dịch bệnh
Miền Bắc	- Dịch tả châu Phi có xu hướng nổi nhiều hơn tại trại dân/công ty ở nhiều vùng.
Miền Trung	- Tại Bắc miền Trung: Dịch tả heo châu Phi đang có xu hướng bùng phát lại tại nhiều vùng thuộc Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa - Tại Nam miền Trung: Bệnh tả heo châu Phi đang nổi mạnh hơn tại nhiều địa phương. Dịch bệnh cũng nổi nhiều tại các tỉnh Tây Nguyên như Đắk Lắk, Gia Lai. Hiện vẫn đang trong mùa mưa nên các bệnh trên heo vẫn bùng phát nhiều, trong đó có cả bệnh tai xanh.
Miền Nam	- Dịch tả châu Phi vẫn đang bùng phát tại cả miền Đông và miền Tây. Tại miền Đông, dịch tả châu Phi nổi nhiều tại một số địa phương của Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước. Tại miền Tây, Bến Tre, Tiền Giang là những khu vực chịu ảnh hưởng nhiều bởi dịch bệnh này.

Giao dịch tại các chợ đầu mối/lò mổ

- **Tại lò Vạn Phúc**, lượng heo đưa vào mổ chưa có nhiều cải thiện, vẫn đạt quanh 1.100-1.200 con/ngày, với giá bán heo mảnh bình quân quanh 55.000-56.000 đồng/kg (gồm cả đầu lòng).

- **Tại chợ Ngọc Lũ**, lượng heo về chợ vẫn khá nhiều, đạt trên 3.000 con trong khi lượng tiêu thụ chỉ 1.500-1.700 con/ngày. Chợ bán yếu với giá hàng đầu 38.000 đồng/kg, phổ biến 33-34.000 đồng/kg.

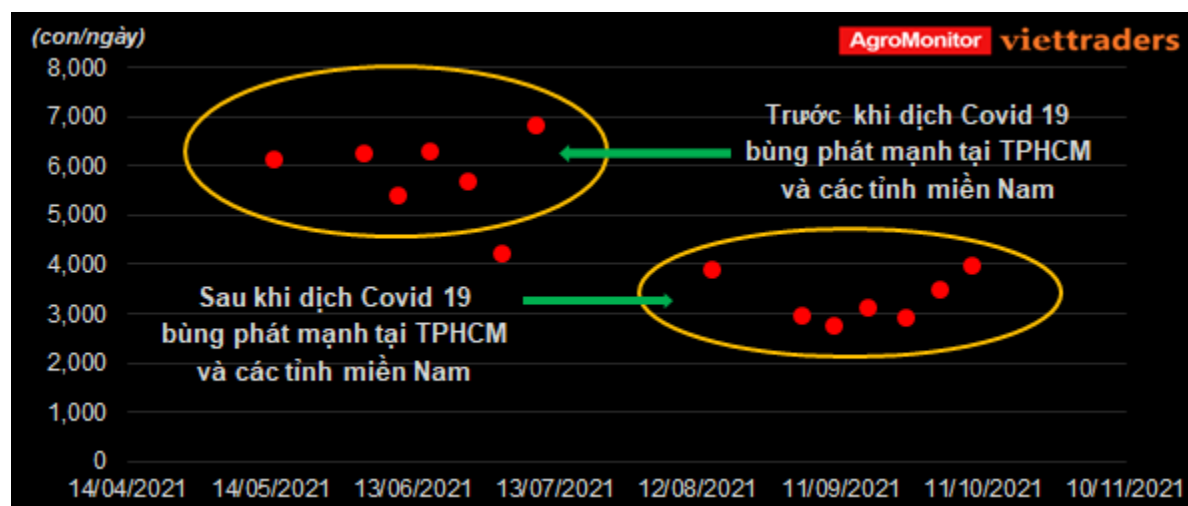
Bảng 4. Giá heo mảnh và phụ phẩm từ heo của các công ty/lò mổ (đồng/kg)

Phân loại	Khu vực	11/10/2021	08/10/2021
Heo mảnh	Công ty		
	CP - miền Bắc	57,500-62,000	60,000-64,500
	CP - miền Nam	62,000	62,000
	CJ - miền Nam	61,000	61,000

		Emivest - miền Nam	61,500	61,500
	Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	45.000-58.000	45.000-55.000
Phụ phẩm	Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	-	-
		Lộc An - TPHCM	21,000	21,000

- Lượng heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM vào cuối tuần trước tiếp tục có xu hướng tăng so với tuần trước đó, tuy nhiên, mức tăng không đáng kể khi vẫn chỉ đạt khoảng 25% so với công suất lò và cũng thấp hơn đáng kể so với thời điểm trước khi dịch Covid-19 bùng phát mạnh tại TPHCM.

Hình 1. Lượng heo giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (con)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

B. THỊ TRƯỜNG BÒ

Giá cả giao dịch nội địa

Bảng 7. Giá bò hơi và bò tuốt tại thị trường miền Bắc (đồng/kg)

Chủng loại	11/10/2021	08/10/2021
Bò cái già	75.000-78.000	75.000-78.000
Bò cái tơ	82.000-83.000	82.000-83.000
Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	88.000-91.000	88.000-91.000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	83.000-86.000	83.000-86.000
Bò càn – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	92.000-94.000	92.000-94.000
Bò nội – bò 3B	95.000-100.000	95.000-100.000
Bò tuốt – khu vực Hải Bối (Đông Anh) – bò Úc	210.000	210.000
Bò tuốt – công ty bán ra – bò Úc	212.000	212.000
Bò tuốt – bò ta	222.000	222.000

Bảng 8. Giá bò hơi và bò tuốt tại thị trường miền Nam (đồng/kg)

Chủng loại	11/10/2021	08/10/2021
Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	87.000	87.000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	85.000	85.000
Bò càn – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng. tùy cân nặng	90.000-92.000	90.000-92.000
Bò tuốt Úc – chợ Phạm Văn Hai (TPHCM)	198.000-200.000	198.000-200.000

Thị trường Gia cầm nội địa ngày 11/10/2021

12:40 11/10/2021

CÁC DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG GIA CẦM NGÀY 11/10/2021

<u>Gà trắng</u>	<p>Tại miền Bắc: 22.000-23.500 đồng/kg</p> <p>Áp lực khi giá thịt heo giao dịch ở mức thấp, cộng với thời tiết mưa nhiều trong dài ngày khiến tiêu thụ gà trắng chậm chạp hơn.</p>	<p>Lưu chuyển gà Nam Bắc:</p> <p>- Chênh lệch được giãn rộng khiến gà khu vực Nha Trang đang lai rai vận chuyển ngược vào Nam tiêu thụ, ước tính khoảng 15.000 con/ngày</p>
	<p>Tại miền Nam: 27.000-30.000 đồng/kg</p> <p>Giai đoạn đầu tháng 9, tình hình dịch bệnh Covid 19 khá phức tạp, hầu hết các trại chăn nuôi bị tình trạng kẹt chuồng khiến nguồn cung gà trắng thịt hiện thiếu hụt.</p> <p>Gà trắng trong Nam tạm ngưng sang Cam trong 2 ngày gần đây.</p>	
<u>Lò mổ An Nhơn</u>	<p>Lượng gia cầm đưa vào giết mổ trong ngày cuối tuần 9/10 đạt 63,410 con, mức này tăng mạnh hơn 30% so với ngày cuối tuần trước đó 2/10, tuy nhiên mức này vẫn thấp hơn 30% so với ngày 9/7 (TPHCM chính thức giãn cách xã hội theo chỉ thị số 16 từ 0h ngày 9/7)</p>	
<u>Giống gà trắng</u>	<p>Tại miền Bắc : 7.000-9.000 đồng/con</p> <p>Tại miền Nam : 5.000-7.000 đồng/con</p> <p>Giống trong Nam trước đó đổ ra Bắc nhiều, trong khi lực vào đàn tại miền Bắc yếu hơn khiến giá giống ngoài Bắc tiếp tục giảm.</p>	
<u>Gà talai CP</u>	<p>Tại miền Bắc : 40.000-42.000 đồng/con</p> <p>Tại miền Nam : 35.000 đồng/con</p>	

	Nguồn cung gà màu các công ty tại miền Bắc vẫn hơn hỗ trợ giá điều chỉnh tăng.
<u>Vịt thịt</u>	Tại miền Bắc: 40.000 đồng/kg Tại miền Đông: 43.000-46.000 đồng/kg Tại miền Tây: 47.000-49.000 đồng/kg Nguồn cung vịt tại miền Tây khan hơn hỗ trợ giá giá vịt grimaud quay đầu tăng lại

Gà trắng

Diễn biến gà trắng thịt

- **Tại miền Bắc**, áp lực khi giá thịt heo giao dịch ở mức thấp, cộng với thời tiết mưa nhiều trong dài ngày khiến tiêu thụ gà trắng chậm chạp hơn, giá gà công ty tiếp tục giảm vào cuối tuần trước nhưng có xu hướng chững lại trong ngày đầu tuần này, dao động từ 22-23.500 đồng/kg. Theo đó, giá gà trong dân tại hầu hết các tỉnh thành cũng giảm đồng loạt về mức phổ biến 22-23.000 đồng/kg, với gà to 3.7-3.8 kg/con giá bán cao nhất được 23.500 đồng/kg. Theo nhận định của thương nhân, mặc dù sức mua của thị trường có phần yếu hơn nhưng giá gà trắng tại miền Bắc vẫn có khả năng sẽ đảo chiều tăng lại trong tuần này do nguồn cung gà trong dân đang vẫn hơn, gà biểu to trên dưới 4 kg/con khá khan hiếm.

- **Tại miền Nam**, giá bật tăng mạnh lên quanh ngưỡng 28-30.000 đồng/kg với gà công ty và 27-28.000 đồng/kg với gà trong dân. Nguyên nhân chính hỗ trợ giao dịch gà trắng có diễn biến tốt như vậy là do giai đoạn đầu tháng 9, tình hình dịch bệnh Covid 19 khá phức tạp, hầu hết các trại chăn nuôi bị tình trạng kẹt chuồng, không vào được đàn mới khiến nguồn cung gà trắng thịt hiện thiếu hụt.

- **Tại lò An Nhơn**, lượng gia cầm đưa vào giết mổ trong ngày cuối tuần 9/10 đạt 63,410 con, mức này tăng mạnh hơn 30% so với ngày cuối tuần trước đó 2/10, tuy nhiên mức này vẫn thấp hơn 30% so lượng giết mổ trong ngày 9/7 (TPHCM chính thức giãn cách xã hội theo chỉ thị số 16 từ 0h ngày 9/7).

Công suất giết mổ gia cầm tại các lò mổ lớn trong ngày cuối tuần (con/ngày)

Cơ sở giết mổ	Quận huyện	Công suất	Tháng 7 (9/7)	Tháng 10 (2/10)	Tháng 10 (9/10)
An Nhơn	Gò Vấp	82,000	92,611	47,954	63,410

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

	Khu vực	11/10/2021	08/10/2021	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	22.000-23.500	23.000-24.000	23.000-25.500
	Miền Nam	28.000-30.000	20.000-21.000	16.000-21.000
Gà trong dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Nguyên	22.000-23.500	22.000-23.500	23.000-25.000
	Vĩnh Phúc	22.000-23.500	22.500-24.000	23.000-25.500

	Hà Nội	22.000-23.500	22.500-24.000	23.000-25.500
	<i>Miền Nam</i>			
	Bình Dương	27.000-28.000	17.000-18.000	16.000-21.000
	Bình Phước	27.000-28.000	17.000-18.000	16.000-21.000

- Chênh lệch được giãn rộng khiến gà khu vực Nha Trang đang lai rai vận chuyển ngược vào Nam tiêu thụ, ước tính khoảng 15.000 con/ngày với giá lên xe 18.000 đồng/kg và giá xuống xe được 28.000 đồng/kg.

- **Tình hình đi Cam:** giá gà trắng trong Nam tăng nhóng từ cuối tuần trước khiến gà khu vực này tạm ngưng sang Cam trong 2 ngày gần đây.

Ước tính lượng gà trắng đi Cam và gà lưu chuyển hai miền Bắc Nam (con/ngày)

Ngày	Gà đi Cam	Gà miền Trung đi Nam
6/10	13,000	-
7/10	12,000	-
8/10	12,000	-
11/10	-	15,000

Diễn biến gà trắng giống

- Tại miền Bắc, giá chào gà trắng giống CP giảm 1.000 đồng/con, xuống 8.000 đồng/con (trên hóa đơn), giao dịch thực tế chỉ được 7-7.500 đồng/con do giống trong Nam trước đó đổ ra Bắc nhiều, trong khi lực vào đàn tại miền Bắc yếu hơn. Theo đó, giá gà giống bán ngoài tại miền Bắc cũng giảm xuống còn 8-9.000 đồng/con.

- Giá gà trắng giống ngoài Bắc có điều chỉnh giảm liên tục khiến con giống trong Nam ngừng chào ra Bắc từ cuối tuần trước.

Bảng 2. Bảng giá gà trắng giống DOC (đồng/con)

Vùng/miền	Loại con giống	11/10/2021	08/10/2021
DOC- miền Bắc	Bán ngoài	8.000-9.000	9.000-10.000
	Ăn cám công ty	7.000-7.500	9.000
DOC-miền Nam	Bán ngoài	6.000-7.000	6.000-7.000
	Ăn cám công ty	5.000-6.000	5.000-6.000
Nam bán ra Bắc	Ăn cám công ty	10.000	10.000

Bảng 3. Bảng giá trứng gà tại thị trường nội địa (đồng/quả)

Khu vực	Loại trứng	11/10/2021	08/10/2021
Miền Bắc (trứng gà CP)	Mix03(>=21.3kg)	1700	1750
	Mix04(>=20.3kg)	1600	1650
	Mix05(>=19.3kg)	1500	1550
Miền Nam	Loại 23.5kg	1550	1550

(trứng gà Vĩnh Thành Đạt)	Loại 22.5kg	1450	1450
	Loại 21.5kg	1350	1350
	Loại 20.5kg	1250	1250
	Loại 19.5kg	1150	1150

Gà màu

- **Tại miền Bắc**, mặc dù tiêu thụ gà màu chưa thực khởi sắc nhưng do nguồn cung gà màu các công ty vẫn hơn hỗ trợ giá điều chỉnh tăng trong ngày đầu tuần, lên 40-42.000 đồng/kg với gà talai CP và lên 50-55.000 đồng/kg với gà màu Minh Dư.

- **Tại miền Nam**, giá gà ta lai CP giữ ổn định quanh mức thiết lập từ cuối tuần trước 35.000 đồng/kg. Gà khu vực này vẫn được đóng đều ra Hà Giang tiêu thụ với mức chênh lệch dao động từ 12-13.000 đồng/kg, lượng đóng đi ước tính khoảng 10.000 con/ngày.

Bảng 4. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vực	11/10/2021	08/10/2021	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	40.000-42.000	39.000-40.000	39.000-40.000
Gà ta lai CP – miền Nam	35.000	35.000	33.000-34.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc – gà nuôi trên 4 tháng	49.000-51.000	49.000-51.000	49.000-51.000
Gà màu Dabaco – miền Nam- gà nuôi trên 4 tháng	38.000-39.000	38.000-39.000	38.000-39.000
Gà Minh Dư – miền Bắc – gà nuôi trên 4 tháng	50.000-55.000	48.000-50.000	48.000-50.000
Gà Minh Dư – miền Nam – gà nuôi trên 4 tháng	40.000-42.000	40.000-42.000	40.000-42.000

Bảng 5. Bảng giá gà màu giống DOC miền Bắc (đồng/con)

Vùng/miền	11/10/2021	08/10/2021
DOC- Dabaco, Hòa Phát	8.000	8.000
DOC-Minh Dư	8.000-10.000	8.000-10.000
DOC- Lai chọi Lai Vượng	8.000	8.000
DOC- Tiến Đạt	10.000	10.000
DOC- Lai mía	11.000-12.000	11.000-12.000
DOC- Lai Hồ	11.000-12.000	11.000-12.000

Bảng 6. Bảng giá gà màu giống DOC miền Nam (đồng/con)

Vùng/miền	11/10/2021	08/10/2021
DOC- Gà thả vườn Bến Tre	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC-Minh Dư	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC- Gà ta lai	5.000-7.000	5.000-7.000

Vịt thịt

- **Tại miền Bắc**, giá vịt tiếp đà giảm 2.000 đồng/kg, xuống còn phổ biến 40.000 đồng/kg do nguồn cung vịt nội vùng đang dần có lại. Với con giống, giá super giống CP ngoài Bắc tiếp đà tăng mức chào lên 20.000 đồng/kg, tuy nhiên do giá giống nổi dài đà tăng, cộng với việc giá thức ăn chăn nuôi vẫn có xu hướng tăng tiếp khiến lực vào đàn mới của các hộ chăn nuôi yếu hơn, giao dịch thực tế vẫn giữ ở vùng giá 17-18.000 đồng/con.

- **Tại miền Tây**, nguồn cung vịt hiện vẫn thiếu hụt hỗ trợ giá giá vịt grimaud quay đầu tăng lại ngưỡng 47-49.000 đồng/kg. Nguồn cung con giống cũng khan hơn đẩy giá giống vịt các loại nhích lên 17.000 đồng/con với giống grimaud và 18.5-19.000 đồng/con với giống cherry.

Bảng 7. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	11/10/2021	08/10/2021	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	40.000	40.000-42.000	40.000-44.000
Miền Đông – Vịt Grimaud	43.000-46.000	43.000-46.000	46.000-50.000
Miền Tây – Vịt Grimaud	47.000-49.000	45.000-47.000	48.000-50.000

Bảng 8. Bảng giá vịt giống DOC (đồng/con)

Khu vực	Vùng/miền	11/10/2021	08/10/2021
Miền Bắc	DOC- Vịt Super	17.000-18.000	17.000-18.000
	DOC- Vịt Grimaud	17.000-18.000	17.000-18.000
	DOC- Vịt bầu cánh trắng	12.000	12.000
Miền Nam	DOC- Vịt Grimaud	17.000	15.000

Giao dịch gà tại các chợ đầu mối lớn

- Tại chợ đầu mối Hà Vỹ, do ảnh hưởng bởi mưa lớn trong vài ngày trở lại đây khiến khách tới chợ thưa hơn, tiêu thụ trầm lắng, lượng gà trắng đổ về chợ nay đạt khoảng dưới 3.000 con. Giá gà nhập về chợ (mua xô) tiếp tục điều chỉnh giảm thêm, xuống phổ biến ngưỡng 25.000 đồng/kg, theo đó đầu giá bán ra được quanh mức 27.000 đồng/kg với gà trống

Bảng 9. Bảng giá gà mua vào và bán ra tại chợ đầu mối Hà Vỹ (đồng/kg)

Loại gà	Giao dịch	11/10/2021	08/10/2021
Gà trắng	Mua vào	25.000	26.500-27.000
	Bán ra	25.000-27.000	27.000-30.000
Gà màu Dabaco	Mua vào	48.000-49.000	48.000-49.000
	Bán ra	53.000-55.000	53.000-55.000
Gà Japfa	Mua vào	48.000-49.000	48.000-49.000
	Bán ra	50.000-55.000	50.000-55.000